

Số: /BC-UBND

Sơn Hà, ngày tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ năm 2023

Theo đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 497/STC-HCSN ngày 06/02/2024 về việc báo cáo tình hình thực hiện tự chủ năm 2023 đối với đơn vị hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ. UBND huyện Sơn Hà báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 (gọi tắt là NĐ 130) và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước (gọi tắt là NĐ 117) trong năm 2023, nội dung như sau:

I. Đánh giá chung

- Trong năm 2023, việc thực hiện chế độ tự chủ theo NĐ 130 và NĐ 117 trên địa bàn huyện đã đi vào nề nếp và ổn định. Các đơn vị đã chủ động xây dựng Phương án chi và Quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện công khai tài chính, có biện pháp kiểm tra, giám sát việc thực hiện Phương án chi và Quy chế chi tiêu nội bộ, việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng lao động, trang thiết bị và kinh phí tại các phòng, ban, cơ quan, đơn vị được triển khai một cách nghiêm túc, đảm bảo theo đúng quy định, góp phần nâng cao được hiệu suất lao động, hiệu quả sử dụng kinh phí, mang lại khoản kinh phí tiết kiệm chi tăng thêm thu nhập cho cán bộ, công chức.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc tại các cơ quan, đơn vị hành chính trên địa bàn huyện hiện tại cơ bản đảm bảo về điều kiện cơ sở vật chất như phòng làm việc, bàn, ghế, điện thoại, máy vi tính... và các công cụ dụng cụ, vật tư văn phòng khác phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Tùy theo điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị đã trang bị cho cán bộ, công chức đảm bảo các yêu cầu, điều kiện làm việc theo quy định.

- Nhìn chung, tư tưởng, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cơ bản đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ; đội ngũ cán bộ, công chức tham gia công tác quản lý, lãnh đạo tại các đơn vị hành chính của huyện phát huy cơ bản tốt vai trò và khả năng của mình, không ngừng nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý, điều hành, góp phần quan trọng vào sự đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị. Cán bộ, công chức của huyện đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng,

có ý thức tổ chức kỷ luật và chấp hành sự phân công của tổ chức, có lối sống lành mạnh, giản dị, gắn bó với nhân dân và góp phần to lớn vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong thời kỳ hội nhập.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về số lượng đơn vị thực hiện tự chủ

- Cơ quan cấp huyện:

+ Số lượng cơ quan chuyên môn cấp huyện: 20 cơ quan.

+ Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ: 20 cơ quan.

+ Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ: 20 cơ quan.

- Cấp xã:

+ Số lượng xã: 14 xã, thị trấn.

+ Số đã được giao thực hiện tự chủ: 0 xã, thị trấn.

+ Số đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ: 14 xã, thị trấn.

2. Về kinh phí

a) Kinh phí quản lý hành chính được giao: 125.541,18 triệu đồng

Trong đó:

* Kinh phí giao thực hiện tự chủ: 18.518,567 triệu đồng, trong đó:

- Số kinh phí thực hiện: 18.288,889 triệu đồng.

- Số kinh phí tiết kiệm được: 229,677 triệu đồng.

Nguyên nhân:

+ Do tiết kiệm biên chế (tổng số biên chế được giao; số biên chế có mặt; số biên chế tiết kiệm được do chưa tuyển đủ, do tinh giản biên chế, do về hưu, thôi việc...).

+ Do các nguyên nhân khác: Tiết kiệm chi hội nghị, hội thảo, công tác phí, điện, nước...

- Số đơn vị thực hiện tiết kiệm được kinh phí: 04 đơn vị

- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao: 1,24%

- Đơn vị có tỷ lệ tiết kiệm so với kinh phí được giao cao nhất: 6,34%

* Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ là 107.022,615 triệu đồng.

b. Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được:

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần: 04 đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,1 - 0,2 lần: 0 đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,2 - 0,3 lần: 0 đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,3 - 0,4 lần: 0 đơn vị
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,4 - 0,5 lần: 0 đơn vị
- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là 0,775 triệu đồng/tháng (tên đơn vị: Phòng Nội vụ (Cơ quan TC-NV));
- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là 0 triệu đồng/tháng (16 đơn vị).
- Trích Quỹ và các khoản chi khác: không phát sinh.

(Số liệu chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

3. Các biện pháp thực hành tiết kiệm

- Tổ chức sắp xếp, phân công cán bộ, công chức theo vị trí công việc phù hợp chuyên môn, nghiệp vụ, phát huy khả năng của từng cán bộ, công chức đối với mỗi vị trí công tác; tăng cường công tác kiêm nhiệm, mỗi cán bộ, công chức vừa phải nắm bắt sâu chuyên môn đối với công việc được giao, vừa phải nắm bắt công việc khác của bộ phận, phòng, ban công tác để hỗ trợ hoàn thành công việc được giao, thực hiện giảm biên chế ở từng bộ phận, phòng, ban.

- Mỗi cán bộ, công chức sắp xếp công việc một cách khoa học, hợp lý nhằm rút ngắn thời gian giải quyết công việc, tiết kiệm chi phí hành chính phát sinh như: văn phòng phẩm, điện và vật tư văn phòng khác.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của từng cán bộ, công chức trong việc quản lý, sử dụng tài sản công; thực hiện khoán chi một số nội dung như: Công tác phí, điện thoại.

- Nâng cao công tác lãnh đạo, quản lý, thực hiện lồng ghép các hoạt động theo hướng tiết kiệm, có hiệu quả như: Tổ chức họp, hội nghị chỉ thực sự khi cần thiết, kết hợp nhiều nội dung để tổ chức họp, hội nghị; cử cán bộ, công chức đi công tác kết hợp thực hiện nhiều nhiệm vụ, nội dung công việc; số lượng cán bộ, công chức cử đi họp, đi công tác đảm bảo đúng thành phần, đúng đối tượng.

4. Những khó khăn, hạn chế, kiến nghị

- Hầu hết các cơ quan đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công. Tuy nhiên, một số cơ quan việc xây dựng, ban hành các Quy chế nêu trên còn mang tính hình thức, chưa đảm bảo quy trình, thiếu công khai minh bạch trong chi tiêu;

- Phương thức chi thu nhập tăng thêm từ nguồn kinh phí tiết kiệm chưa được quy định cụ thể, phần lớn các cơ quan, đơn vị chi thu nhập tăng thêm dựa vào mức lương ngạch bậc của cán bộ, công chức, do đó không khuyến khích được những người có mức lương thấp mà có năng lực trong công việc, những người làm việc nhiều (đối với những bộ phận còn thiếu người).

- Biên chế giao cho một số cơ quan quản lý hành chính chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ được giao, nên việc tiết kiệm chi có phần giảm, trong khi đó còn phải hợp đồng thêm lao động để thực hiện các nhiệm vụ như: bảo vệ, tạp vụ, lái xe.

Các đơn vị có quỹ lương tương đối cao và các cơ quan không có nguồn thu phí, lệ phí thì hầu hết là không có thu nhập tăng thêm. Ngoài ra, một số nội dung chi hoạt động thường xuyên tại đơn vị (xăng dầu, vật tư văn phòng, tiền điện, công tác phí) giá cả liên tục tăng nên phần nào ảnh hưởng đến khoản tiết kiệm chi tại đơn vị.

- Vẫn có một số đơn vị chi tiêu thiếu tính cân đối nguồn tài chính tự chủ cho cả năm, đề nghị bổ sung kinh phí nhiều lần trong năm.

- Việc tham mưu ban hành cơ chế chính sách, tổ chức triển khai thực hiện trên một số lĩnh vực chưa hiệu quả. Năng lực, trình độ, kỹ năng xử lý các thủ tục hành chính của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế. Công tác thanh tra, kiểm tra công vụ ở một số cơ quan chưa thường xuyên, một số cán bộ, công chức mới tiếp nhận công việc nên trong thực thi nhiệm vụ còn hạn chế, tiến độ hoàn thành chậm, chưa chủ động sáng tạo trong công việc.

- Biên chế công chức hành chính chưa đảm bảo theo khối lượng công việc được giao, tuy nhiên trong lộ trình chung về tinh giản biên chế còn phải cắt giảm, nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng và hiệu quả trong công tác quản lý chỉ đạo chuyên môn của huyện.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện tự chủ năm 2023 trên địa bàn huyện Sơn Hà, kính đề nghị Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng TC-KH;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TH_{NhungNTV}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Trung

PHỤ LỤC**TỔNG HỢP SỐ LIỆU THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ THEO NGHỊ ĐỊNH 130/2005/NĐ-CP NĂM 2023***(Kèm theo Báo cáo số 83/BC-UBND ngày 07/3/2024 của UBND huyện Sơn Hà)**Đvt: triệu đồng*

STT	Cơ quan, Đơn vị	Tổng số đơn vị hành chính	Trong đó		Kinh phí hành chính tự chủ			Trong đó			KP không tự chủ	Người có TN tăng thêm cao nhất (tr.đ/tháng)	Người có TN tăng thêm thấp nhất (tr.đ/tháng)	Ghi chú
			Số đơn vị giao quyền tự chủ	Số đơn vị đã XD quy chế chi tiêu nội bộ	Tổng cộng	Ngân sách	Nguồn thu	KP thực chi cho hoạt động	KP tiết kiệm được	Tỷ lệ tiết kiệm (%)				
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9	10=6-9	11	12	13	14	15
	Huyện Sơn Hà	20	20	20	18.518,567	18.518,567		18.288,889	229,677	1,24	107.022,615			
1	Hội đồng nhân dân huyện	1	1	1	776,295	776,295		776,295			1.424,900			
2	Văn phòng HĐND và UBND (Văn phòng huyện)	1	1	1	3.014,677	3.014,677		2.911,542	103,134	3,42	4.375,024	0,614	0,614	
3	Phòng Tư pháp	1	1	1	328,588	328,588		328,588			140,850			
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1	1	1	809,057	809,057		776,783	32,274	3,99	287,850	0,448	0,448	
5	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	1	1	1	605,188	605,188		605,188			4.600,297			
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1	1	1	940,540	940,540		940,540			15.991,483			
7	Phòng Văn hoá và Thông tin	1	1	1	329,609	329,609		329,609			2.922,990			
8	Phòng Lao động TB và XH huyện	1	1	1	753,908	753,908		706,139	47,769	6,34	44.470,142	0,663	0,663	
9	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện	1	1	1	588,935	588,935		588,935			12.609,430			
10	Phòng Y tế	1	1	1	328,150	328,150		328,150			2.456,000			
11	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1	1	1	746,597	746,597		746,597			3.524,417			

12	Phòng Dân tộc huyện	1	1	1	403,572	403,572		403,572			7.943,033			
13	Phòng Nội vụ (Cơ quan TC-NV)	1	1	1	1.029,995	1.029,995		983,495	46,500	4,51	1.998,532	0,775	0,775	
14	Thanh tra huyện (Cơ quan UBKT - TTr)	1	1	1	866,554	866,554		866,554			116,900			
15	Huyện ủy	1	1	1	3.985,748	3.985,748		3.985,748			3.014,712			
16	UBMT Tổ quốc VN huyện	1	1	1	755,902	755,902		755,902			362,669			
17	Huyện đoàn	1	1	1	509,058	509,058		509,058			60,000			
18	Hội LHPN huyện	1	1	1	657,804	657,804		657,804			503,385			
19	Hội Nông dân huyện	1	1	1	668,939	668,939		668,939			190,000			
20	Hội Cựu chiến binh huyện	1	1	1	419,451	419,451		419,451			30,000			